| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HỮU LŨNG**<br>**TỈNH LẠNG SƠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11-5-2023
V/v Không công nhận vợ chồng và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thảo Nguyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lý Hoàng Anh.

2. Ông Hoàng Ngọc Thủy.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Kim Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023, về việc: Không công nhận vợ chồng và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vi Thị P, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Văn N, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vi Thị P trình bày:*** Chị Vi Thị P và anh Phan Văn N chúng sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn do không hiểu biết về pháp luật. Anh chị được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau lễ cưới vợ chồng chung sống với bố mẹ vợ tại Thôn Đ, xã Y, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Cuộc sống chung của vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận. Nhưng khoảng đến năm 2012 đến 2014 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, nói nặng lời với nhau. Từ đó mâu thuẫn kéo dài không khắc phục được. Gia đình hai

bên có hòa giải nhưng không thành. Anh chị cũng ly thân từ năm 2014 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc hay liên hệ với nhau. Anh Nam hiện cũng đã có tình cảm với người khác nên chị muốn vợ chồng giải thoát cho nhau vì tình cảm vợ chồng đã không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn N.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung, là Phan Hoàng Đình Ng, sinh ngày 07/2/2005 và Phan Văn T1 sinh ngày 15/8/2007. Cháu Phan Hoàng Đình Ng đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Còn đối với cháu Phan Văn T1, khi ly hôn chị yêu cầu anh Nam là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành (18 tuổi), chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2023, bị đơn anh Phan Văn N trình bày:* Anh và chị Vi Thị P sau một thời gian tìm hiểu có được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và về sống cùng nhau từ năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật. Vợ chồng chung sống đến năm 2011 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân anh đi làm xây dựng thường xuyên vắng nhà, ở nhà chị Vi Thị P có tình cảm với người khác. Anh đã tha thứ nhưng chị P không thay đổi, tuy anh không bắt được tận tay chuyện chị P ngoại tình nhưng chính chị đã thừa nhận nên vợ chồng dần không còn tình cảm, thường xuyên nghi ngờ và cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc.Vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 đến nay, chị Vi Thị P đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Anh chị không còn quan tâm chăm sóc hay liên lạc với nhau. Nay chị Vi Thị P yêu cầu ly hôn, anh nhất trí vì không còn tình cảm vợ chồng với chị Vi Thị P.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung, tên là Phan Hoàng Đình Ng, sinh ngày 07/2/2005 và Phan Văn T1 sinh ngày 15/8/2007. Cháu Phan Hoàng Đình Ng đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Còn đối với cháu Phan Văn T1, khi ly hôn anh nhất trí là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành (18 tuổi), chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng theo Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; về việc giải quyết vụ án, đề nghị, Hội đồng xét xử, áp dụng các Điều 14, 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vi Thị P và anh Phan Văn N; về con chung: giao cháu Phan Văn T1 cho anh Phan Văn N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Vi Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Cháu Phan Hoàng Đình Ng đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết; về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về việc "Không công nhận vợ chồng và tranh chấp về nuôi con" theo khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Đối với quan hệ hôn nhân của vợ chồng, áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét, giải quyết.

[2] Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị P và anh Phan Văn N chung sống với nhau nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, tuy nhiên, anh chị đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 đến nay. Hôn nhân giữa chị Vi Thị P và anh Phan Văn N đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặt khác, chị Vi Thị P và anh Phan Văn N đều là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị Vi Thị P có yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn N, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Vi Thị P và anh Phan Văn N theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Có 02 con chung, cháu Phan Hoàng Đình Ng, sinh ngày 07/2/2005 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cháu Phan Văn T1 sinh ngày 15/8/2007. Xét thấy, cháu Phan Văn T1 hiện đang sinh sống cùng anh Phan Văn N và có nguyện vọng được ở với bố. Anh Phan Văn N vẫn đảm bảo sự phát triển của con cả về thể chất lẫn tinh thần. Chi Vi Thị P cũng nhất trí giao con cho anh Phan Văn N chăm sóc, nuôi dưỡng nên yêu cầu của anh Phan Văn N về con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 15, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần giao cháu Phan Văn T1 cho anh Phan Văn N chăm sóc, nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Vi Thị P phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[8] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vi Thị P và anh Phan Văn N

2. Về con chung: Giao cháu Phan Văn T1 sinh ngày 15/8/2007 cho anh Phan Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Vi Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vi Thị P phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004498, ngày 02 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn được khấu trừ thành tiền án phí. Chị Vi Thị P đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thảo Nguyên**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý Hoàng Anh** **Hoàng Ngọc Thủy** **Ngô Thảo Nguyên**